

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚCCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày 21 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng
Ông Phạm Văn An
Bà Đỗ Thị Kim Thuý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Minh Q, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1992 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Phòng 515 chung cư T, số D đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông **Trương Minh N**, sinh năm 1968 (đã chết) và bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1974; có vợ là **Bùi Thị Quỳnh T1**, sinh năm 1994; con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo **Trương Minh Q** bị bắt, tạm giam từ ngày 14/2/2023 đến nay, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh V** (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông **Trần Quốc H**, sinh năm 1963 (có mặt)
- Ông **Trần Trung Q1**, sinh năm 1976 (vắng mặt)
- Bà **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1993 (có mặt)

Đều là Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ:

A- Tập thể **Bộ C1**, số C, ngõ C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị hại:

- Ông **Tô Thanh L**, sinh năm 1961; Địa chỉ: **Công ty TNHH N6**, khu phố A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bà **Chu Thị H1**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **TDP số H, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2021, **Công ty CP T7** (gọi tắt là **Công ty T7** **miền B**) ký hợp đồng lao động với **Trương Minh Q** và giao **Trương Minh Q** làm giám sát bán hàng tại tỉnh Lào Cai, chức năng, nhiệm vụ giám sát bán hàng của **Q** là quản lý 12 nhân viên bán hàng, 15 nhân viên tiếp thị của công ty tại tỉnh Lào Cai, mở và cắt các nhà phân phối bán hàng cho công ty tại tỉnh Lào Cai, mục đích mở rộng thị trường, tăng doanh thu bán hàng cho công ty. Từ việc được công ty giao làm giám sát bán hàng, **Q** biết nhiều giám sát và các nhà phân phối khác tại các tỉnh Lào Cai, Hà Nội, Vĩnh Phúc. Đến khoảng tháng 5/2022 do cần tiền để trả nợ nên **Q** nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (tiền) của người khác để lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định trên, **Q** đưa ra mức giá bia rẻ hơn so với giá công ty giao cho các đại lý từ 15.000 đồng đến 24.000 đồng/1 thùng hoặc kết với lý do **Q** cần chạy doanh số để được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh hoặc giá bia đang được khuyến mại nên mới có giá như vậy hay đưa ra thông tin là thời gian tới giá bia sẽ tăng để đánh vào tâm lý ham rẻ của người mua, từ đó chuyển tiền cho **Q** để đặt mua bia, **Q** sẽ sử dụng một phần tiền để mua bia (giá bia Quyết mua cao hơn giá Quyết giao bán) giao cho người mua để tạo sự tin tưởng, số tiền còn lại **Q** chiếm đoạt để trả nợ. Với thủ đoạn như trên trong tháng 5/2022 **Q** đã chiếm đoạt của 2 người với tổng số tiền chiếm đoạt là 5.143.046.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông **Tô Thanh L** - SN: 1961, Giám đốc **Công ty TNHH N6**, địa chỉ tại **khu phố A- TT H- B- Vĩnh Phúc**:

Khoảng đầu tháng 5/2022, ông **Tô Thanh L** nghe một số người giới thiệu **Q** có nguồn hàng (bia) nhiều, giá thấp hơn giá của **Công ty T7** giao cho các đại lý (**Công ty N6** là đại lý bán hàng cấp 1 của **Công ty T7**), nên ông **L** đã liên hệ với **Q** để hỏi mua bia, do cần tiền để trả nợ nên **Q** đã đưa ra thông tin gian dối là **Q** cần chạy doanh số để bổ nhiệm chức giám đốc hoặc giá bia đang được khuyến mại nên ông **L** mua bia của **Q** sẽ được giá thấp hơn so với giá của Công ty giao (Xác minh tại **công ty T7** xác định **Q** không phải là nhân viên trực tiếp bán hàng cũng không phải nhà phân phối của **Công ty T7**, theo quy định của công ty thì không được bán lấn vùng, trái tuyến và công ty cũng không có chính sách chạy doanh số để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý). Tin là **Q** nói thật nên ngày 09/5/2022, ông **L** đã chuyển số tiền 912.000.000đ từ tài khoản 2801205238112 của ông **L** mở tại **Ngân hàng N7- Chi nhánh B (A1)** đến số tài khoản 101870024480 **Ngân hàng TMCP C2 (V3)** của **Trương Minh Q** để đặt mua 4.000 thùng bia **Sài Gòn L** với giá **Q** đưa ra là 228.000đ/thùng. Để tạo niềm tin đối với ông **L**, sau khi nhận tiền **Q** đã chuyển vào tài khoản số 0951000281280 **Ngân hàng TMCP N8 (V4)** của chị **Đỗ Thị Thu H2**, sinh năm 1980, địa chỉ **A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai** là nhà phân phối (C1) của **Công ty T7** số tiền 759.000.000 đ để trả nợ tiền hàng mà **Q** nợ trước đó rồi mua chịu của chị **H2**

3.700 thùng bia Sài Gòn L2 để chuyển cho ông L. Số tiền còn lại 153.000.000đ Q đã chuyển vào tài khoản số 3288588688888 ngân hàng TMCP Q3 (M1) của bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955, địa chỉ ở đường A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ 50.000.000đ và chuyển 65.000.000đ vào tài khoản số 100890561888 Ngân hàng TMCP C2 (V3) của bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1975 ở thị xã S, tỉnh Lào Cai để trả nợ; chuyển vào tài khoản 1 số 0951004186383 Ngân hàng TMCP N8 (V4) của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1976, địa chỉ ở phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ số tiền 28.600.000đ. Còn 9.400.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết.

Do thấy Q bán bia giá rẻ hơn giá Công ty bia S miền B và Q giao hàng như đã hẹn nên ngày 10/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 1.808.000.000đ để đặt mua 8.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá là 226.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q không đặt mua bia mà chuyển 1.800.000.000đ đến số tài khoản 661616000888 Ngân hàng TMCP Đ2 (B1) của anh Doãn Văn V, sinh năm 1988, trú tại: Tổ A, phường B, thành phố L để trả nợ cho anh V, số tiền còn lại 8.000.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết. Sau khi chuyển tiền nhưng không thấy Q giao bia nên ông L đã điện hỏi Q thì Q viện lý do như xe bị hỏng hoặc đang đợi lệnh xuất kho nên ông L không nghi ngờ gì. Cùng ngày 10/5/2022, Q chuyển cho ông L 1000 thùng bia 333 trị giá 238.000.000đ thay cho bia Sài Gòn L, ông L đồng ý và đã nhận đủ hàng. (Quá trình giải quyết vụ án, Q không nhớ là mua số bia này, ở đâu, của ai).

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của ông L, Q đã đưa ra thông tin giá bia L2 chỉ 223.000đ/thùng, nếu ông L không đặt trước thì sẽ hết, tin tưởng là Q nói thật nên ngày 11/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 892.000.000đ để đặt mua 4.000 thùng bia Sài Gòn L. Sau khi nhận tiền, Q không đặt mua bia mà chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 số tiền 500.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số 101000520615 Ngân hàng TMCP C2 (V3) của anh Phan Đức N2, địa chỉ ở X, huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 300.000.000đ để trả nợ tiền hàng mà Q còn nợ anh N2 trước đó. Số tiền còn lại 92.000.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết. Không thấy Q giao bia như đã thỏa thuận, ông L đã liên hệ hỏi Q thì Q viện lý do như bị “cháy” hàng hoặc chưa có xe, đồng thời Q cho ông L số điện thoại của anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1990, HKTT: Tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là bạn của Q và nói với ông L đây là số của lái xe, rồi Q bảo với anh Đ nếu ai gọi hỏi thì nói là đang bốc hàng. Sau đó ông L đã gọi cho anh Đ, khi thấy anh Đ nói là đang bốc hàng, ông L tin là thật. Ông L nghĩ Q có chú là Giám đốc Công ty T7 nên Q sẽ không dám lừa ông nên ngày 12/5/2022 khi Q điện thoại nói bia tiếp tục giảm giá thì ông L đã chuyển cho Q số tiền 856.400.000đ để đặt 4.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá 223.000đ/thùng (do ngày 09/5 Quyết mới chuyển được 3.700 thùng bia L2, còn nợ lại 300 thùng tương đương số tiền 35.600.000đ nên ông L trừ lại số tiền này). Để ông L không nghi ngờ, sau khi nhận tiền Q đã chuyển vào số tài khoản 2204205391087 Ngân hàng N7 (A1) của chị Nguyễn Thị Ngọc A nhà phân phối bán bia ở Hà Nội số tiền 300.000.000đ và chuyển vào số tài khoản của anh Phan Đức N2 số tiền 200.000.000đ để đặt mua bia trả cho ông L. Số tiền còn lại Q chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 300.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số

109872929161 Ngân hàng TMCP C2 (V3) của anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 41.666.666đ để trả nợ.

Ngày 13/5/2022, Q nhận được 3.980 thùng bia L2 của nhà phân phối Nguyễn Thị Ngọc A và Phan Đức N2, Q đã chuyển toàn bộ số bia này cho ông L nhưng do 01 thùng bị vỡ nên ông L xác nhận Q đã chuyển được 3.979 thùng bia.

Sau khi nhận được số bia nêu trên, cùng ngày 13/5/2022, ông L tiếp tục chuyển số tiền 1.320.000.000đ để đặt 6.000 thùng bia L2 với giá 220.000đ/thùng và chuyển số tiền 456.000.000đ để đặt 2.000 thùng bia 333, với giá 228.000đ/thùng, thấy Q đưa ra giá bán rẻ hơn so với giá Công ty T7 giao cho nên ông L tiếp tục đặt của Q 4.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá 218.000đ/thùng = 872.000.000đ, tổng trong ngày 13/5/2022 ông L đã chuyển cho Q số tiền 2.648.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản của chị Đỗ Thị Thu H2 số tiền 1.768.500.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ngọc A nhà phân phối ở Hà Nội số tiền 300.000.000đ để đặt mua bia; chuyển vào tài khoản 002704060333727 mở tại Ngân hàng Q4 (V5) của anh Vũ Minh T4 là giám sát bán hàng của Công ty T7 tại tỉnh Ninh Bình số tiền 300.000.000đ để đặt mua bia; chuyển vào tài khoản số 919888888 Ngân hàng Q4 (V5) của anh Nguyễn Công C là giám sát bán hàng tại Vĩnh Phúc số tiền 213.000.000đ để đặt mua bia.

Ngày 14/5/2022, mặc dù Q chưa giao số bia như hai bên đã thỏa thuận trước đó, nhưng khi thấy Q cam kết sẽ giao đủ bia và đưa ra giá bia thấp hơn các lần trước, ông L tin là thật nên muốn nhập thêm bia về để gom bán nên ông L đã chuyển cho Q số tiền 436.000.000đ để đặt 2.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá 218.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q đã chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 129.000.000đ để đặt 500 thùng bia Sài Gòn L; chuyển vào tài khoản số 7370159969999 Ngân hàng TMCP Q3 (MB) của anh Hoàng Ngọc N3, sinh năm 1984, HKTT: Tổ E, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai là nhà phân phối (C1) ở Lào Cai số tiền 48.400.000đ để đặt 200 thùng bia Sài Gòn L; chuyển vào tài khoản số 106872744797 Ngân hàng TMCP C2 (V3) của anh Nguyễn Hoàng N4, sinh năm 1998, trú tại: Số F, H, quận H, thành phố Hà Nội (là nhà phân phối của Công ty B2) số tiền 130.000.000đ đặt 500 thùng bia 333; chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị N1 số tiền 100.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số 3666666599999 mở tại Ngân hàng TMCP Q3 (MB của chị Trần Thị Bích Đ1, sinh năm 1987, HKTT: Tổ E, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, con dâu bà N1 số tiền 30.000.000đ để trả tiền cước xe mà Q thuê chở bia cho ông L những lần trước.

Trong hai ngày 16 và 17/5/2022 Q đã giao trả ông L được 8.000 thùng bia S Lager trị giá 1.808.000.000đ. Sau khi nhận được 8.000 thùng bia thì trong ngày 17/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 864.000.000đ để đặt mua 4.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá là 216.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản 109868046527 Ngân hàng C2 (V3) của anh Trần Tùng N5, sinh năm 1991, HKTT: Tổ B, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ.

Do bán bia cho ông Tô Thanh L thấp hơn giá của Công ty T7 bán cho các đại lý và việc bán bia cho ông L của Q là trái tuyến, vi phạm quy định của công ty, nên ngày 01/6/2022 Công ty T7 đã có quyết định buộc thôi việc đối với Trương Minh Q.

Như vậy, **Trương Minh Q** đã chiếm đoạt của ông **L** tổng số tiền như sau: ông **L** đã chuyển cho **Q** để đặt mua bia tổng số tiền là: 8.416.400.000đ 912.000.000đ (tương đương 4.000 thùng bia giá 228.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông **L**) – 899.254.000đ (tương đương 3.979 thùng bia giá 226.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông **L**) 1.320.000.000đ (tương đương 6000 thùng bia giá 220.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông **L**) - 436.000.000đ (tương đương 2000 thùng bia giá 218.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông **L**) – 238.000.000đ (tương đương 1000 thùng bia 333, giá 238.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông **L**) = 4.611.146.000đ.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà **Chu Thị H1**, sinh năm 1970, địa chỉ **xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**:

Khoảng đầu năm 2020 bà **Chu Thị H1** là đại lý bán bia (đại lý cấp 2) tại **K- T** cho các hãng bia trong đó có các loại bia của **Công ty T7**. Thông qua các giám sát bán hàng phụ trách địa bàn Vĩnh Phúc, bà **H1** quen biết và mua hàng (bia) của **Q**. Do kinh doanh nhỏ, lẻ nên mỗi lần mua bia của **Q** bà **H1** chỉ chuyển số tiền trên, dưới 100 triệu đồng.

Đến khoảng đầu tháng 5/2022, lúc này do cần tiền để trả nợ nên **Q** đã đưa ra thông tin gian dối như: Quyết đang cần doanh số để lên chức hoặc giá bia chai đang xuống hay thời gian tới nhà máy không sản xuất nữa nên sẽ bị khan hàng. Nghe **Q** nói vậy bà **Hà t** là thật nên ngày 04/5/2022 đã chuyển số tiền 268.400.000đ từ tài khoản số 102002832636 **Ngân hàng C2** của bà **H1** đến số tài khoản số 101870024480 **Ngân hàng C2** của **Trương Minh Q** để đặt mua 2000 két bia chai đỏ và 200 két bia chai xanh. Sau khi nhận tiền, trong ngày 04/5/2022 **Q** không đặt mua bia mà chuyển trả nợ cho những người sau: **Q** chuyển vào tài khoản 19035322509013 **Ngân hàng K** của **Bùi Thị Quỳnh T1** số tiền 40.000.000đ; chuyển vào tài khoản số 8800215046833 **ngân hàng A1** của ông **Trương Quyết T5** số tiền 25.000.000đ; chuyển vào tài khoản số 109872929161 của anh **Nguyễn Ngọc Đ** **Ngân hàng V3** số tiền 35.800.000đ; chuyển vào tài khoản 002704060345382 của **Nguyễn Văn Q2** mở tại **Ngân hàng TMCP Q4** số tiền 75.100.000đ; ngày 5/5/2022 **Q** chuyển vào tài khoản số 8810166629999 của **Phạm Duy P** mở tại **Ngân hàng A1** số tiền 32.500.000đ, chuyển vào tài khoản 48366000556588 của **Vũ Minh T4** mở tại **ngân hàng TMCP Đ2** số tiền 60.000.000đ.

Mặc dù chưa giao bia cho bà **H1** như đã thỏa thuận nhưng **Q** tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là giá bia đỏ sẽ tăng 8.000đ/thùng, bà **H1** tưởng thật nên ngày 13/5/2022 bà **H1** tiếp tục chuyển số tiền 287.000.000đ cho **Trương Minh Q** để đặt mua bia. Sau khi nhận tiền, **Q** đã chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Tuấn V1** số tiền 200.000.000đ để đặt mua bia (một phần bia giao trả cho ông **L** và 1 phần bia giao trả cho bà **H1**, đến nay không nhớ cụ thể bao nhiêu két, thùng và loại bia gì) và chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Thị N1** số tiền 87.000.000đ để trả nợ. Thời điểm này bà **H1** liên tục giục **Q** chuyển số bia bà **H1** đã đặt thì **Q** lấy lý do chậm hàng và chụp ảnh các giao dịch bia tại kho để bà **H1** tin **Q** đã đặt bia và tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là trong thời gian tới sẽ khan hàng (bia), mục đích để bà **H1** tiếp tục chuyển tiền đặt cọc mua bia, vì vậy trong ngày 17/5/2022 bà **H1** đã chuyển số tiền 75.000.000đ từ tài khoản số 102002832636 của bà mở tại **Ngân**

hàng C2 chi nhánh V6 đến số tài khoản số 101870024480 của Trương Minh Q mở tại Ngân hàng C2 chi nhánh L3. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 50.000.000đ và chuyển vào tài khoản của anh Trần Tùng N5 29.000.000đ để trả nợ. Thấy Q không giao bia như đã thỏa thuận nên bà H1 đã đòi lại tiền đặt cọc bia nhưng do Q đã sử dụng để trả nợ hết nên không có tiền để trả cho bà H1. Như vậy số tiền Q đã chiếm đoạt của bà H1 là: (Tổng số tiền bà H1 đã chuyển cho Q để đặt mua bia: 630.400.000đ 98.500.000đ (tương đương với 400 két bia đỏ x 118.000đ/1 két; 100 két bia xanh x 208.000đ/1 két; 40 thùng bia Lạc Việt x 200.000đ/1 thùng; 100 thùng bia S x 225.000đ/1 thùng, Q đã giao trả bà H1) = 531.900.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Trương Minh Q khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

* Về xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ:

Ngày 14/02/2023, Trương Minh Q giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, quá trình điều tra xác định là phương tiện Q liên lạc với các bị hại khi thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền Q chiếm đoạt của ông Tô Thanh L và bà Chu Thị H1 để trả nợ cho các cá nhân gồm: Bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Ngọc Đ, Trần Tùng N5, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị Hồng T6, Đỗ Thị Thu H2, Nguyễn Văn Q2, Phạm Duy P, Doãn văn V2, Phan Đức N2; Cơ quan điều tra đã xác minh xác định những người này không biết việc Q chiếm đoạt tiền của ông L, bà H1; đối với số tiền Q đã trả cho những người trên thì những người này đã đầu tư kinh doanh và chi tiêu hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự:

Trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Minh Q, Q đã trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông L là 4.561.146.000 đồng.

Đối với số tiền 531.900.000 đồng Q chiếm đoạt của bà Chu Thị H1, bị cáo chưa bồi thường được cho bà H1 phần nào.

Tại Cáo trạng số 25/ CT-VKS-P1 ngày 01 tháng 02 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Trương Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trương Minh Q khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1,2 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trương Minh Q từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 14/02/2023.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max của **Trương Minh Q.**

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông **Tô Thanh L** số tiền 4.561.146.000 đồng, bà **Chu Thị H1** số tiền 531.900.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo **Trương Minh Q** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, người làm chứng vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: **Trương Minh Q** là nhân viên giám sát bán hàng của **Công ty CP T7** tại tỉnh Lào Cai. Do cần tiền để trả nợ nên **Q** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (tiền) của người khác để lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định trên, **Q** đưa ra mức giá bia rẻ hơn so với giá bia **công ty CP T7 miền B** giao cho các đại lý từ 15.000 đồng đến 24.000 đồng/1 thùng hoặc két. Lý do **Q** cần chạy doanh số để được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh hoặc thời gian tới giá bia sẽ tăng để đánh vào tâm lý ham rẻ của người mua. Từ đó người mua chuyển tiền cho **Q** để đặt mua bia, **Q** sẽ sử dụng một phần tiền để mua bia (giá bia Quyết mua cao hơn giá Quyết giao bán) giao cho người mua để tạo sự tin tưởng, số tiền còn lại **Q** chiếm đoạt để trả nợ. Với thủ đoạn như trên trong tháng 5/2022 **Q** đã chiếm đoạt của ông **Tô Thanh L** số tiền 4.611.146.000đ, chiếm đoạt của bà **Chu Thị H1** số tiền 531.900.000 đồng. Tổng số tiền **Q** chiếm đoạt của ông **L** và bà **H1** là 5.143.046.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 5.143.046.000 đồng của **Trương Minh Q** như đã nêu trên đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 BLHS năm 2015.

Nội dung điều luật quy định: “4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

.....

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá 500 triệu đồng trở lên”.

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng hành vi của bị cáo là dùng

thủ đoạn gian dối như là chạy doanh số; giá bán tăng hay hàng khan hiếm để các bị hại tin tưởng giao tiền nhiều lần nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự trị an xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ do đó cần phải xử phạt nghiêm khắc.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo nhiều lần được tặng Giấy khen của Công ty CP T7 do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng Bằng khen của Hội liên hiệp thanh niên tỉnh Lào Cai, bị cáo còn có ông nội là Thương binh, ông ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vì vậy xét thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc với hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự vì bị cáo không có thu nhập.

Đối với anh Nguyễn Ngọc Đ là người được Q nhờ nghe máy và nói với ông L về việc đang bóc hàng, anh Đường k biết mục đích Q nhờ nói nội dung trên để làm gì và không được Q bàn bạc, trao đổi và cũng không được hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ.

[3] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max của Q là phương tiện Quyết liên lạc với các bị hại khi thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Q trả cho ông Tô Thanh L số tiền là 4.561.146.000 đồng, phải trả cho bà Chu Thị H1 số tiền 531.900.000 đồng

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Minh Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Trương Minh Q 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023. Tiếp

tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max của **Trương Minh Q.**

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo **Trương Minh Q** phải bồi thường cho ông **Tô Thanh L** số tiền 4.561.146.000 đồng (bốn tỷ, năm trăm sáu mươi một triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); bà **Chu Thị H1** số tiền 531.900.000 đồng (năm trăm ba mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông **L**, bà **H1** có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên nếu bị cáo không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Trương Minh Q** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 113.093.046 đồng (Một trăm mười ba triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và các bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai

